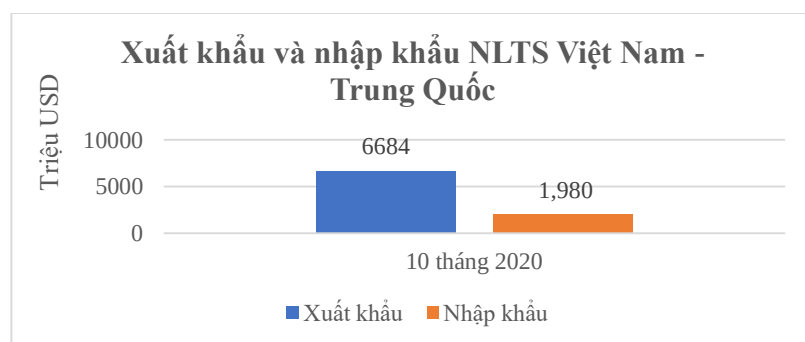


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường **TRUNG QUỐC**

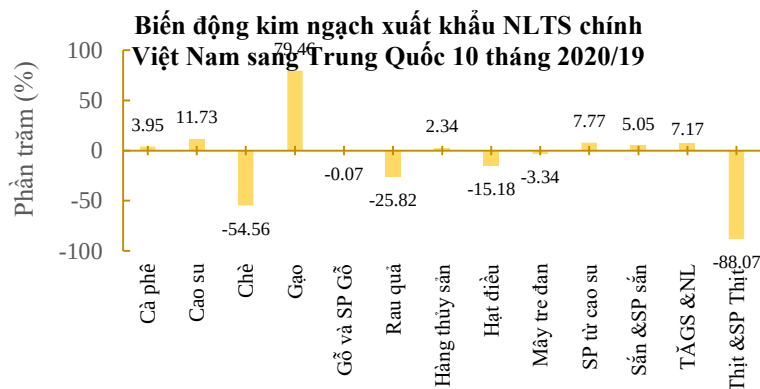


TÌNH HÌNH CHUNG



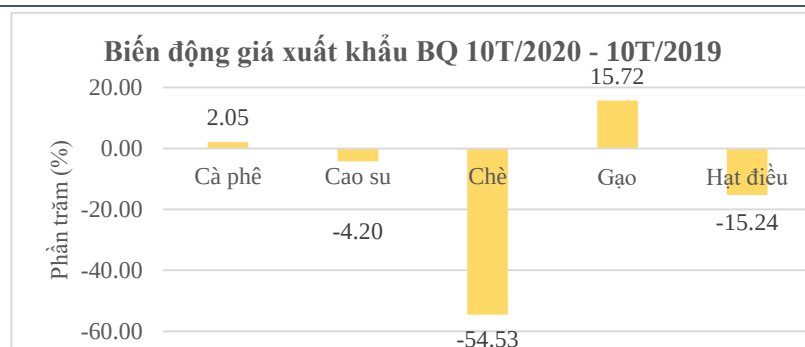
So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc (10T/2020 – 10T/2019)

Xuất khẩu ▼ 4,23%
Nhập khẩu ▼ 8,28%



So sánh 10T/2020 với 10T/2019

Cà phê ▲ 3,95%
Cao su ▲ 11,73 %
Chè ▼ 54,56%
Gạo ▲ 79,46 %
Gỗ và SP Gỗ ▼ 0,07%
Rau quả ▼ 25,82%
Thủy sản ▲ 2,34 %
Hạt điều ▼ 15,18 %
Mây tre đan ▼ 3,34%
SP từ cao su ▲ 7,77 %
Sản và SP Sản ▲ 5,05%
TĂGS và NL ▲ 7,17 %
Thịt và SP thịt ▼ 88,07%



So sánh giá xuất khẩu 10T/2020 – 10T/2019

Cà phê ▲ 2,05 %
Cao su ▼ 4,02%
Chè ▼ 54,53 %
Gạo ▲ 15,72 %
Hạt điều ▼ 15,24 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Nền kinh tế lớn thứ hai thế giới tiếp tục phục hồi sau khi bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng COVID-19 đầu năm nay. Xuất khẩu của Trung Quốc tăng với tốc độ nhanh nhất trong 19 tháng vào tháng 10, tăng 11,4% so với một năm trước đó, cao hơn so với mức tăng 9,9% trong tháng 9, nâng thặng dư thương mại trong tháng 10 lên 58,44 tỷ USD, cao hơn mức thặng dư 37 tỷ USD vào tháng 9. Nhập khẩu tăng 4,7% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 10, chậm hơn mức tăng trưởng 13,2% của tháng 9, đánh dấu tháng tăng trưởng thứ hai liên tiếp. Hoạt động thương mại vững chắc có thể tạo ra một động lực cho sự phục hồi kinh tế rộng lớn hơn của Trung Quốc, vốn đã tăng trưởng tốt sau khi chịu một đợt sụt giảm sâu vào đầu năm nay. Nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 4,9% trong quý III so với một năm trước đó, nhưng tăng trưởng có thể chậm lại chỉ còn hơn 2% trong năm nay - mức yếu nhất trong hơn ba thập kỷ nhưng vẫn mạnh hơn nhiều so với các nền kinh tế lớn khác. Sự phục hồi trong hoạt động dịch vụ của Trung Quốc đã kéo dài sang tháng thứ sáu liên tiếp trong tháng 10/2020. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) Caixin/Markit của các dịch vụ đã tăng lên 56,8 điểm từ mức 54,8 điểm của tháng 9, mức cao nhất kể từ tháng 6 và duy trì tốt trên mốc 50 điểm. Sản lượng công nghiệp tăng 6,9% trong tháng 10 so với một năm trước đó. Giờ đây, với việc dịch COVID-19 phần lớn được kiểm soát ở Trung Quốc, người tiêu dùng đang chi tiêu trở lại để thúc đẩy hoạt động kinh tế. Doanh số bán lẻ tăng 4,3% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn mức tăng 3,3% trong tháng 9. Sự phục hồi kinh tế của Trung Quốc được dự báo sẽ tăng tốc trong quý IV, với nhu cầu phục hồi, tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ và các biện pháp kích thích dự kiến sẽ tạo ra mức tăng trưởng mạnh mẽ vào năm 2021. Tuy nhiên, số người nhiễm COVID-19 gia tăng ở châu Âu và Mỹ đã thúc đẩy các đợt phong tỏa mới, ảnh hưởng tới triển vọng toàn cầu.

Về xuất nhập khẩu Việt Nam và Trung Quốc, Trung Quốc là đối tác truyền thống, có kim ngạch nhập khẩu NLTS lớn thứ 2 của Việt Nam sau Hoa Kỳ. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tiếp tục xu hướng tăng liên tục 4 tháng gần đây, kim ngạch xuất khẩu tháng 10/2020 đạt 820 triệu USD, tăng 9,15% so với tháng 9/2020, và tăng 0,14 % so với cùng kỳ.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc là rau quả, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, sắn và các sản phẩm từ sắn, thủy sản, gạo, cao su. So với tháng 9 năm 2020, hầu hết các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao như gạo tăng 93%, thịt và sản phẩm thịt tăng 88%, hạt điều tăng 35%, thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 25%, sắn và sản phẩm từ sắn tăng 21%. Chỉ có 3 mặt hàng nông sản có kim ngạch xuất khẩu giảm là gỗ và sản phẩm gỗ giảm 12%, cao su và rau quả giảm khoảng 1%. So với cùng kỳ, gạo là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao nhất (tăng 115%), tiếp đến là thức ăn gia súc và nguyên

liệu tăng 40%, hạt điều tăng 38%. Trong khi đó, một số mặt hàng có kim ngạch giảm, đặc biệt thịt và các sản phẩm thịt giảm 97%, gỗ và sản phẩm gỗ giảm 39%, thủy sản giảm 32%. (chi tiết phụ lục đính kèm).

Theo dự báo cập nhật tháng 11/2020 của USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2020 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 146,7 triệu tấn, giảm 1,76 triệu tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc ước đạt 2,3 triệu tấn, giảm 500 nghìn tấn so với năm ngoái. Nguyên nhân chính là do dự trữ gạo của Trung Quốc hiện vẫn tương đối cao.

Sản lượng khoai tây tươi niên vụ 2020 / 21 của Trung Quốc được dự báo đạt 99 triệu tấn tăng 3% so với niên vụ 2019 / 20 chủ yếu do diện tích mở rộng. Sản lượng khoai tây chiên (FFF) đông lạnh niên vụ 2020 / 21 của Trung Quốc được dự báo sẽ cao hơn 10% ở mức 330.000 tấn (tấn) để đáp ứng nhu cầu trong nước tăng lên. Nhập khẩu niên vụ 2020 / 21 FFF của Trung Quốc được dự báo sẽ thấp hơn 10% ở mức 96.000 tấn do các nhà nhập khẩu lo ngại về việc kiểm tra Covid-19 trên thực phẩm đông lạnh nhập khẩu. Theo Báo cáo Triển vọng Nông nghiệp Trung Quốc, tiêu thụ tươi được dự báo tăng hàng năm là 0,3%; chế biến tăng 1,3 %; sử dụng thức ăn tăng 0,5%; sử dụng hạt giống và tổn thất lưu trữ tăng tương ứng 1,1 %. Khoai tây chế biến chiếm khoảng 10% tổng lượng tiêu thụ khoai tây ở Trung Quốc, và bao gồm các sản phẩm như khoai tây chiên, tinh bột khoai tây và khoai tây khử nước. Hoa Kỳ tiếp tục là nhà xuất khẩu FFF lớn nhất sang Trung Quốc trong niên vụ 2019 / 20, mặc dù thị phần đã giảm xuống 44% trong niên vụ 2019 / 20 từ 66% trong niên vụ 2016 / 17. Điều này là do cạnh tranh về giá từ Liên minh Châu Âu sau khi áp dụng thuế trả đũa Mục 301 trên FFF Hoa Kỳ. Các nhà nhập khẩu lớn nhất tiếp theo là Thổ Nhĩ Kỳ, Bỉ, Hà Lan, Canada và Đức. Nhập khẩu FFF của Trung Quốc tiếp tục quanh năm với lượng nhập khẩu lớn nhất xảy ra trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 7.

Theo USDA, trải qua mức tăng trưởng yếu hơn đáng kể so với những năm gần đây sau đại dịch, Trung Quốc dự kiến sẽ có mức tăng trưởng GDP thực tế là 1,9 % vào năm 2020. Vào năm 2021, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc trở lại mức xu hướng trước đó và tăng với tốc độ 8,2 %. Mức tăng trưởng trở lại này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm cả tình trạng sức khỏe cộng đồng, đã làm giảm tâm lý người tiêu dùng và khiến sự phục hồi của doanh số bán lẻ bị tụt hậu so với phần còn lại của nền kinh tế. Sản xuất công nghiệp sẽ tiếp tục hỗ trợ quỹ đạo kinh tế của Trung Quốc, nhưng thành công của nó cũng có điều kiện là sự phục hồi của các đối tác thương mại.

Lĩnh vực bán lẻ của Trung Quốc tiếp tục phát triển lên mức cao mới khi số lượng người tiêu dùng trung lưu không ngừng tăng lên. Các cửa hàng trực tuyến và ngoại tuyến tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động để thu hút những khách hàng ngày càng coi trọng chất lượng, an toàn, tiện lợi và dinh dưỡng. Ngành công nghiệp thực phẩm bán lẻ tăng trưởng

tương đối tốt bất chấp cuộc suy thoái kinh tế COVID-19 trong nửa đầu năm 2020. Nhập khẩu các sản phẩm thực phẩm hướng tới người tiêu dùng đã tăng lên mức cao kỷ lục 73 tỷ đô la trong năm 2019, nhưng doanh thu của Mỹ đã giảm do thuế trả đũa của Trung Quốc. Tuy nhiên, nhập khẩu các sản phẩm thực phẩm bán lẻ của Hoa Kỳ đang tăng lên vào năm 2020 do Hiệp định Kinh tế & Thương mại Hoa Kỳ-Trung Quốc.

Theo dự báo của USDA, nhập khẩu ngô của Trung Quốc niên vụ 2020/2021 tăng từ 7 triệu tấn lên 22 triệu tấn do nguồn dự trữ cạn kiệt và giá trong nước cao. Theo Cung và Cầu Nông nghiệp Trung Quốc (CASDE) vào tháng 10 của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc (MARA) chỉ ra rằng nước này đã có một khoảng cách cung cấp ngô trong vài năm qua do phải đấu giá từ nguồn dự trữ. Từ tháng 5 đến tháng 9 năm nay, MARA đã bán đấu giá 57 triệu tấn ngô dự trữ. Cuộc đấu giá cuối cùng được tổ chức vào ngày 13 tháng 9 mà không có kế hoạch đấu giá nào nữa cho đến mùa xuân. Với nguồn dự trữ eo hẹp, các nguồn tin cho thấy nhập khẩu ngô đáng kể sẽ là cần thiết để đáp ứng nhu cầu đồng thời kiểm soát việc tăng giá hơn nữa và duy trì nguồn cung trong suốt năm 2021. Ngay từ năm 2020, Trung Quốc đã sử dụng tạm thời lúa mì và gạo dự trữ và nhập khẩu lúa mì chất lượng làm thức ăn chăn nuôi để thay thế cho ngô nội địa có giá cao. Tính đến ngày 22 tháng 10, Trung Quốc đã ký hợp đồng kỳ hạn hơn 10 triệu tấn ngô của Mỹ với chỉ khoảng 2,0 triệu tấn được vận chuyển cho đến nay. Ngoài ra, Ukraine, sau khi xuất khẩu đáng kể sang Trung Quốc trong niên vụ 2019/20, có tiềm năng đáp ứng một phần đáng kể nhu cầu của Trung Quốc trong những tháng tới.

Ngày 27 tháng 11, Ủy ban Y tế Quốc gia Trung Quốc đã ban hành "Thông báo về việc cải thiện hơn nữa việc quản lý truy xuất nguồn gốc của thực phẩm chuỗi lạnh" trên trang web của mình. Theo đó, yêu cầu thiết lập và cải tiến hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc thực phẩm chuỗi lạnh bao gồm nền tảng quốc gia, nền tảng cấp tỉnh và nền tảng doanh nghiệp, tập trung vào thịt gia súc và gia cầm, thủy sản, v.v., để đạt được việc kiểm tra các mặt hàng thực phẩm chuỗi lạnh nhập khẩu chính từ hải quan. Việc truy xuất nguồn gốc thông tin của toàn bộ chuỗi lưu trữ và phân phối, sản xuất và chế biến, bán buôn, bán lẻ và dịch vụ ăn uống sẽ cải thiện các biện pháp để mọi người cùng nhau kiểm tra và phòng ngừa, thiết lập cơ chế phản ứng nhanh và chính xác đối với các sản phẩm có vấn đề và kiểm soát chặt chẽ nguy cơ xảy ra dịch. Nền tảng truy xuất nguồn gốc thực phẩm chuỗi lạnh Bắc Kinh đã chính thức hoạt động từ ngày 1 tháng 11 đến ngày 19 tháng 11, đã ghi nhận tổng cộng 12.413 loại thịt và sản phẩm thủy sản đông lạnh nhập khẩu, và 19.609 lô sản phẩm, liên quan đến 81 quốc gia và khu vực và Trung Quốc 29 tỉnh thành nội địa; lũy kế lượng hàng thịt, thủy sản đông lạnh nhập khẩu lưu thông 139.400 tấn, trung bình mỗi ngày ghi nhận hơn 2.000 tấn sản phẩm mới.

Chính quyền nhân dân thành phố Phúc Châu gần đây đã đưa ra thông báo cho biết bắt đầu từ ngày 3 tháng 12, một kho giám sát tập trung cấp thành phố đối với thực phẩm dây chuyền lạnh nhập khẩu sẽ được thành lập tại quận Mawei và nhập khẩu từ các cảng khác nhau ở Phúc Châu. Thực phẩm dây chuyền lạnh nhập khẩu phải nhập kho giám sát tập trung, sau khi vượt qua kiểm tra axit nucleic mẫu và khử trùng phòng ngừa mới có thể nhận được “Giấy chứng nhận kiểm tra axit nucleic Coronavirus mới” và Giấy chứng nhận khử trùng” trước khi xuất xưởng. Nếu thực phẩm dây chuyền lạnh nhập khẩu có “Giấy chứng nhận kiểm dịch hàng hóa nhập khẩu” do hải quan cấp không cần nhập kho giám sát tập trung, chủ hàng có thể đăng nhập trực tiếp vào cửa sổ đặc biệt “e Fuzhou” để tải giấy chứng nhận và các thông tin liên quan do cơ quan hải quan cấp và được kho giám sát tập trung xác nhận. Thông báo chỉ ra rằng thực phẩm dây chuyền lạnh nhập khẩu không đạt "hai chứng chỉ" sẽ không được lưu trữ, bán, chế biến hoặc tiêu thụ tại Phúc Châu.

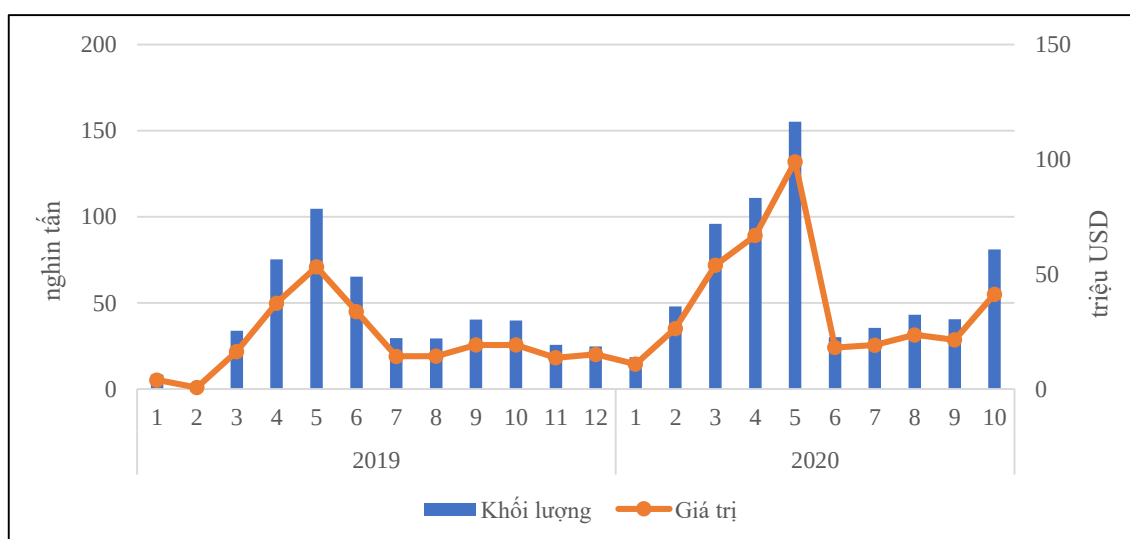
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 11/2020 của USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2020 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 146,7 triệu tấn, giảm 1,76 triệu tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc ước đạt 2,3 triệu tấn, giảm 500 nghìn tấn so với năm ngoái. Nguyên nhân chính là do dự trữ gạo của Trung Quốc hiện vẫn tương đối cao.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2020, Việt Nam xuất khẩu được 81,0 nghìn tấn gạo, trị giá 41,3 triệu USD sang Trung Quốc tăng 100,5% về khối lượng và 93,4% về giá trị so với tháng 9/2020, và tăng 103,9% về khối lượng và 115,7% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 10 tháng đầu năm 2020 đạt 657,6 nghìn tấn, trị giá 379,6 triệu USD, tăng 53,8% về khối lượng và 79,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc

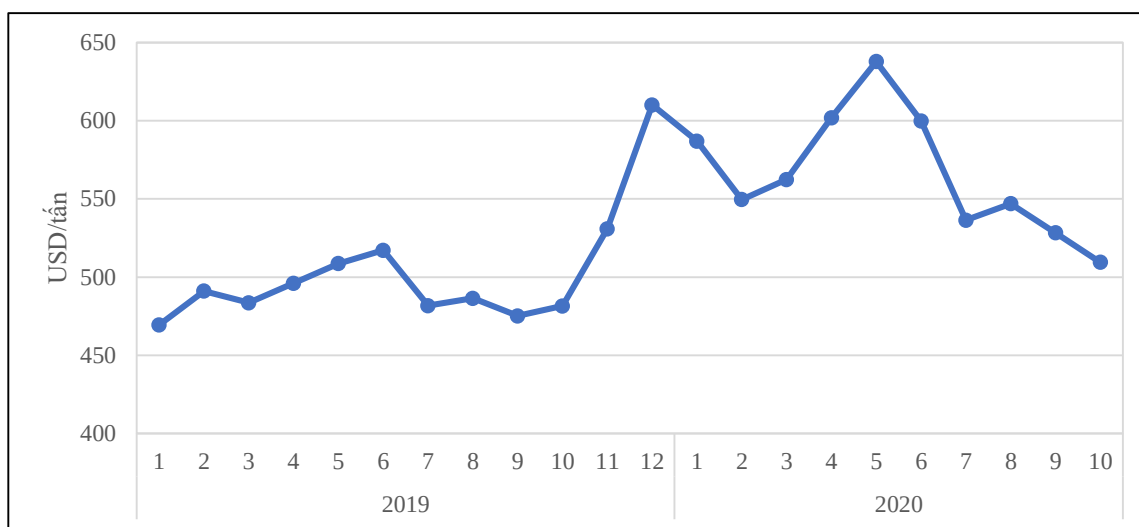


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2020, gạo nếp tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 74,9 nghìn tấn, trị giá 38,0 triệu USD (chiếm 92,5% về khối lượng và 92,1% về giá trị); so với tháng 10/2019, xuất khẩu gạo nếp sang Trung Quốc đã tăng 463,6% về khối lượng và 382,2% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 10/2020 đạt 509,4 USD/tấn, giảm 3,6% so với tháng 9/2020, nhưng tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2019.

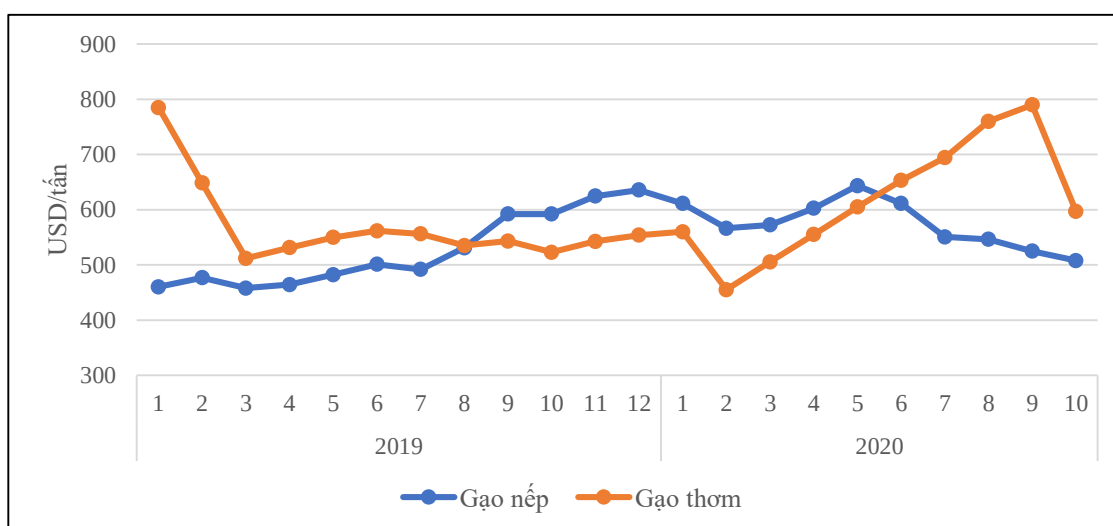
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc có xu hướng giảm trong tháng. Giá xuất khẩu gạo nếp tháng 10/2020 đạt trung bình 508,1 USD/tấn, giảm 3,2% so với tháng 9/2020 và 14,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 597,3 USD/tấn, giảm 24,4% so với tháng 9/2020 nhưng tăng 14,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

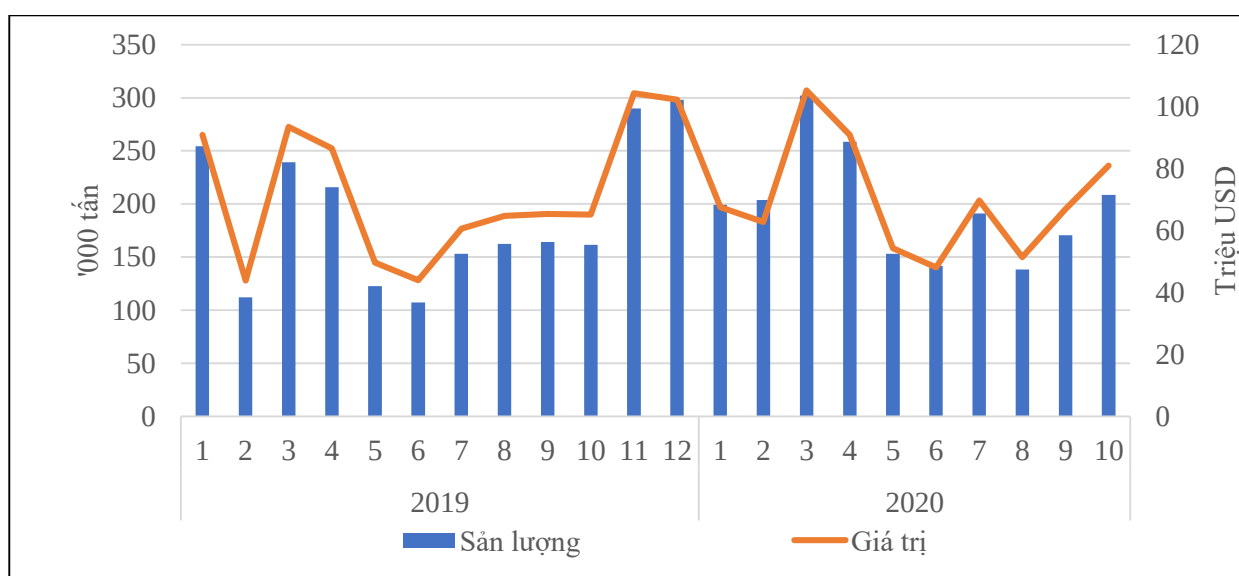
Trong tháng 10/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Dương Vũ, Tổng Công ty Lương thực miền Nam, và Công ty TNHH Tân

Thanh An. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 21,9%, 21,1%, và 14,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc trong tháng 10/2020. So với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Dương Vũ tăng 119,8%, Tổng Công ty Lương thực miền Nam tăng 56,0%, và Công ty TNHH Tân Thạnh An không xuất khẩu trong tháng 10/2019 nhưng có xuất khẩu trong tháng 10/2020.

2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Trong tháng 10 năm 2020, xuất khẩu sản và sản phẩm sản của Việt Nam sang Trung Quốc tiếp tục tăng cả về giá trị và sản lượng so với các tháng trước và so với cùng kỳ năm 2019. Lượng xuất khẩu đạt 208,6 nghìn tấn tương đương với giá trị đạt 81 triệu USD, tăng 22% về lượng và 21% về giá trị so với tháng 9 năm 2020. Giá xuất khẩu bình quân trong tháng 10 giảm nhẹ 1% so với tháng 9, đạt 388,3 USD/tấn. Nhìn chung 10 tháng đầu năm 2020, ngành sản Việt Nam đã đạt một mức tăng trưởng khá tốt bất chấp tác động của đại dịch Covid 19 trong Quý I. Xuất khẩu 10 tháng đầu năm đạt 1.9 triệu tấn tương đương 697,9 triệu USD, tăng 16% về lượng và 5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu sản lát sang Trung Quốc trong tháng 10 tăng bật trở lại lên mức 26,6 nghìn tấn, đương tương 6,6 triệu USD, tăng 85% về lượng và 100% về giá trị so với tháng 9 năm 2020. Nhờ việc Trung Quốc đẩy mạnh thu mua sản lát trong năm 2020 nhằm phục vụ cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi và ngành công nghiệp ethanol mà xuất khẩu sản lát của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020 đã gần chạm mốc 1 tỷ USD khi tăng 104% về giá trị xuất khẩu so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu sản lát trong tháng 10 tăng lên cao nhất kể từ quý 4 năm 2019 đến nay, đạt 247 USD/tấn, tăng 8% so với tháng trước và tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái. Lượng sản từ Campuchia về ít do tình trạng lũ lụt xảy ra nghiêm trọng tại hầu hết các tỉnh càng tạo đà cho giá sản lát tiếp tục tăng cao.

Xuất khẩu tinh bột sắn vẫn trên đà tăng trưởng. Trong tháng 10 năm 2020, lượng xuất khẩu ghi nhận ở mức 182 nghìn tấn, với giá trị 74,4 triệu USD, tăng 17% về lượng và 17% về giá trị so với tháng 9 năm 2020. Giá xuất khẩu tinh bột sắn vẫn tiếp tục tăng nhẹ lên 409 USD/tấn so với mức 407 USD/tấn của tháng trước do nguồn cung hạn chế và nhu cầu tăng cao, cụ thể: hiện nay nhu cầu tiêu thụ từ ngành thức ăn chăn nuôi và chế biến sâu tại Trung Quốc vẫn cao trong khi giá tinh bột ngô tại nước này lại liên tục leo dốc; trong khi tại Việt Nam, nhiều nhà máy ở Tây Ninh và miền Trung phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của mưa lũ khiến nguồn cung càng khan hiếm.

3. RAU QUẢ

Hội nghị Hoa quả quốc tế Gia Hưng Trung Quốc do Phòng Thương mại xuất nhập khẩu Thực phẩm và Gia súc Trung Quốc, Hiệp hội trái cây Trung Quốc, Chính quyền Nhân dân Thành phố Gia Hưng và Trung tâm Công nghiệp trái cây Thiểm Tây đồng tài trợ đã được tổ chức thành công vào ngày 3/11/2020. Hội nghị có trên 500 đại biểu tham dự, bao gồm đại diện Đại sứ quán/lãnh sự quán tại Trung Quốc của các quốc gia Thái Lan, Hy Lạp, Hàn Quốc, Malaysia, Singapore, Tây Ban Nha, Peru, ... cũng như các hiệp hội trái cây trong nước, các nhà lãnh đạo ngành, các nền tảng thương mại điện tử lớn, các công ty trái cây nước ngoài ở Trung Quốc, các hãng hàng không lớn trong nước và các công ty vận chuyển quốc tế. Chủ đề của hội nghị lần này là "Trái cây thế giới - Thị trường Trung Quốc", nhằm mục đích sử dụng các loại trái cây nhiều màu sắc để liên kết với nhau và xây dựng cầu nối hợp tác giữa năm châu lục, thảo luận về sự phát triển của thương mại trái cây thế giới, chia sẻ lợi ích của thị trường trái cây Trung Quốc và cùng thúc đẩy ngành trái cây phát triển nhanh, chất lượng.

Mùa vụ thu hoạch gừng của Trung Quốc bắt đầu từ giữa tháng 10, sau khi thu hoạch gừng tươi được bảo quản trong kho trong thời gian 40 ngày, sau đó mới được xuất khẩu sang Châu Âu. Giá gừng tăng cao bởi lượng gừng bảo quản trong kho hiện tại khá thấp do sản lượng gừng giảm đáng kể trong mùa trước. Nhiều nhà nhập khẩu ở nước ngoài giảm lượng đặt hàng gừng Trung Quốc do giá quá cao mà đợt vụ thu hoạch mới đưa vào thị trường với hy vọng giá sẽ giảm.

Chất lượng quýt năm nay tại Tứ Xuyên - vùng sản xuất quýt chính của Trung Quốc có chất lượng thấp hơn do lượng mưa lớn trong khu vực, dẫn đến độ Brix thấp hơn và đốm trên da quả nhiều hơn. Do đó số lượng quýt chất lượng hàng đầu vì thế mà hạn chế hơn.

Sản lượng khoai tây tươi niên vụ 2020/21 của Trung Quốc được dự báo là 99 triệu tấn tăng 3% so với MY2019/20 chủ yếu do diện tích mở rộng. Sản lượng khoai tây chiên (FFF) đông lạnh MY2020/21 của Trung Quốc được dự báo sẽ cao hơn 10% ở mức 330.000 tấn để đáp ứng nhu cầu trong nước tăng lên. Nhập khẩu niên vụ 2020/21 FFF của Trung Quốc được dự báo sẽ thấp hơn 10% ở mức 96.000 tấn do các nhà nhập khẩu lo ngại về việc kiểm tra Covid-19 trên thực phẩm đông lạnh nhập khẩu. Niên vụ 2020/21 (tháng 9 đến tháng 8 năm sau) sản lượng khoai tây tươi được dự báo là 99 triệu tấn, tăng 3% so với ước tính 96 triệu tấn được sản xuất trong niên vụ 2019/20 nhờ diện tích tăng và thời tiết thuận lợi tại các tỉnh sản xuất khoai tây lớn ở Tây Bắc và Tây Nam Trung Quốc. Tuy nhiên, mưa lớn và bão vào đầu tháng 9 năm 2020 ở đông bắc Trung Quốc đã gây ra sự chậm trễ đáng kể cho việc thu hoạch khoai tây. Theo Báo cáo Triển vọng Nông nghiệp Trung Quốc 2020,

trong mười năm tới, diện tích trồng khoai tây của Trung Quốc sẽ tăng trung bình 0,4%/năm. Báo cáo cho biết khoai tây là cây màu cải thiện thu nhập của nông dân, đặc biệt là ở những vùng đồi núi kém phát triển; năng suất khoai tây sẽ tăng trung bình 0,5%/năm do cải tiến công nghệ quản lý hiện trường và mở rộng ứng dụng khoai tây giống sạch bệnh. Do đó, báo cáo ước tính sản lượng khoai tây sẽ tăng trung bình 0,9%/năm trong mười năm tới. Nội Mong, Cam Túc, Tứ Xuyên, Quý Châu và Vân Nam là các tỉnh sản xuất khoai tây lớn nhất, chiếm gần 60% tổng sản lượng khoai tây tươi. Tiêu thụ khoai tây nói chung của Trung Quốc vẫn ổn định nhưng dự báo sẽ tăng nhẹ trong thập kỷ tới, ước tính rằng 60% khoai tây trong nước được tiêu thụ tươi tại nhà hoặc tại các nhà hàng. Các lĩnh vực chế biến chiếm khoảng 10% tổng lượng tiêu thụ khoai tây tươi của Trung Quốc. Khoảng 12% khoai tây được sử dụng làm khoai tây giống, 5% để sử dụng làm thức ăn, và thất thoát trong kho bảo quản chiếm 13%.

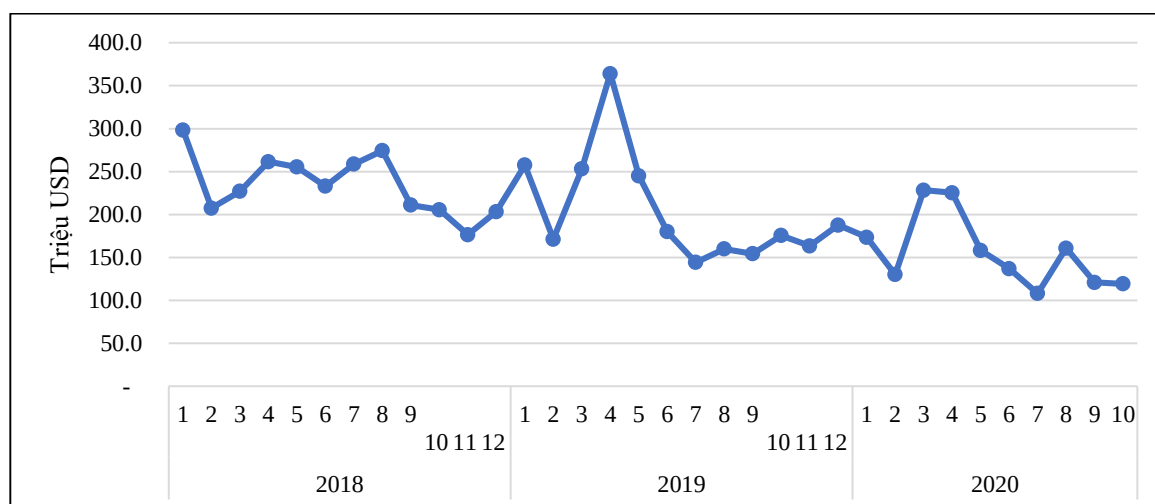
Theo Báo cáo Triển vọng Nông nghiệp Trung Quốc, tiêu thụ khoai tây tươi được dự báo tăng hàng năm là 0,3%; chế biến tăng 1,3 %; sử dụng thức ăn tăng 0,5%; sử dụng hạt giống và tổn thất lưu trữ tăng tương ứng 1,1 % mỗi năm. Khoai tây chế biến chiếm khoảng 10% tổng lượng tiêu thụ khoai tây ở Trung Quốc, và bao gồm các sản phẩm như khoai tây chiên, tinh bột khoai tây và khoai tây khử nước. Nhiều cơ sở chế biến khoai tây ở Trung Quốc hoạt động từ bốn đến sáu tháng một năm do hạn chế cung cấp khoai tây tươi trong nước và các phương tiện bảo quản không đầy đủ hoặc lạc hậu. Đây là lý do chính dẫn đến mất 13% dung lượng lưu trữ.

Nhập khẩu niên vụ 2020/21 FFF (Mã HS: 20041000) của Trung Quốc được dự báo là 96.000 tấn, thấp hơn khoảng 10% so với 106.623 tấn được nhập khẩu trong năm 2019/20. Sự sụt giảm trong nhập khẩu FFF càng trở nên trầm trọng hơn do suy thoái kinh tế Covid-19, mức tăng cao hơn chất lượng khoai tây nội địa, và kiểm tra quy mô lớn đối với Covid-19 trên các sản phẩm đông lạnh nhập khẩu khiến các thương gia chuyển sang sản xuất trong nước để giảm rủi ro. Hoa Kỳ tiếp tục là nhà xuất khẩu FFF lớn nhất sang Trung Quốc trong niên vụ 2019/20, mặc dù thị phần đã giảm xuống 44% trong niên vụ 2019/20 so với 66% trong niên vụ 2016/17. Điều này là do cạnh tranh về giá từ Liên minh Châu Âu sau khi áp dụng thuế trả đũa theo Mục 301 trên FFF Hoa Kỳ. Các nhà nhập khẩu lớn nhất tiếp theo là Thổ Nhĩ Kỳ, Bỉ, Hà Lan, Canada và Đức chiếm 52% nhập khẩu FFF của Trung Quốc trong niên vụ 2019/20. Nhập khẩu FFF của Trung Quốc diễn ra quanh năm với lượng nhập khẩu lớn nhất vào khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 7.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 10 năm 2020 đạt 119,2 triệu USD, chiếm 49,3% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 1,5% so với tháng trước (đạt 121 triệu USD) và giảm 32,1% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 175,6 triệu USD). Giá trị xuất khẩu rau

quả sang Trung Quốc trong 10 tháng đầu năm 2020 đạt 1,6 tỷ USD, giảm 25,4% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 2,1 tỷ USD).

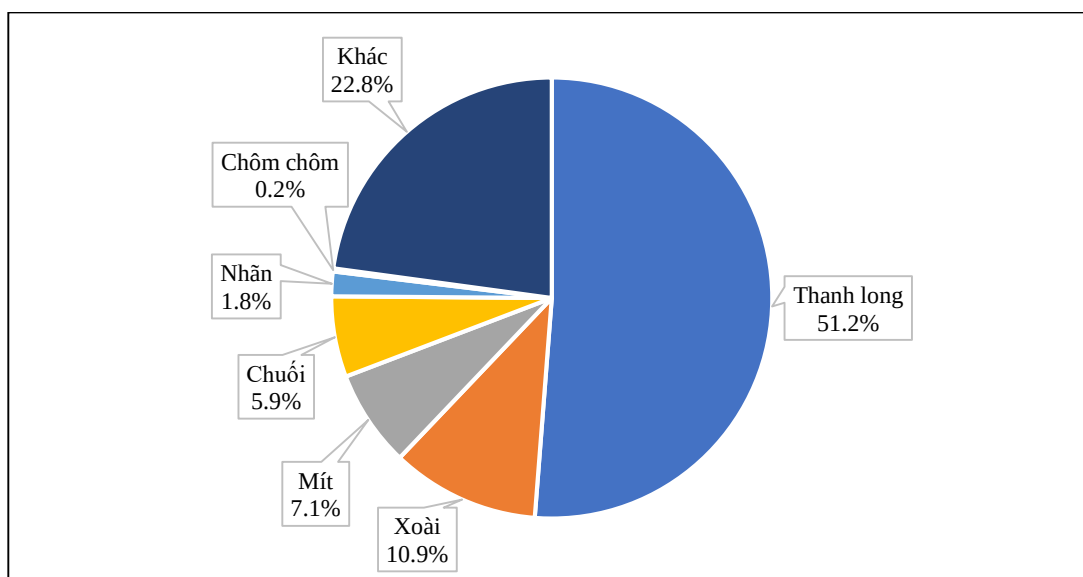
Hình 5: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 10 năm 2020, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 98,6 triệu USD (chiếm 82,7% thị phần, giảm 38% so với cùng kỳ năm 2019) và rau quả chế biến đạt 20,6 triệu USD (chiếm 17,3%, tăng 23,8%). So sánh với cùng kỳ năm 2019, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 16,4 triệu USD, tăng 32,4%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 2,9 triệu USD, giảm 10,4%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 1,2 triệu USD, tăng 98,1%; ...

Trong tháng 10 năm 2020, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm thanh long đạt 61,1 triệu USD (chiếm 51,2% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này, giảm 40,9% so với cùng kỳ năm 2019); xoài đạt 13 triệu USD (chiếm 10,9%, giảm 35,5%); mít đạt 8,5 triệu USD (chiếm 7,1%, tăng 28,9%); chuối đạt 7,1 triệu USD (chiếm 5,9%, giảm 41%), nhãn đạt 2,2 triệu USD (chiếm 1,8%, giảm 66,7%); ...

Hình 6: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 10/2020

Nguồn: Tổng cục Hải quan

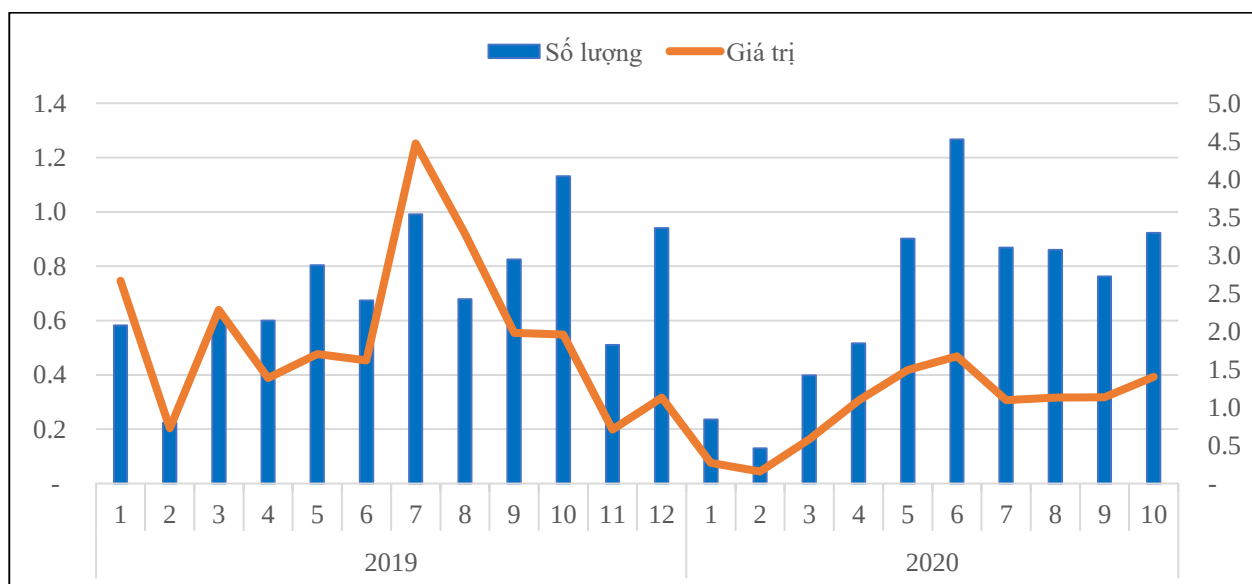
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 10 năm 2020 đạt 37 triệu USD, chiếm 33,3% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 34,1 triệu USD). Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong 10 tháng đầu năm 2020 đạt 277,8 triệu USD, giảm 28% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 385,7 triệu USD). Trong tháng 10/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là tỏi đạt 6,9 triệu USD (chiếm 16,3%%, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước); nấm các loại đạt 5,2 triệu USD (chiếm 14%, tăng 7%); khoai tây đạt 3,8 triệu USD (chiếm 10,2%, tăng 41,9%); cà rốt đạt 2,6 triệu USD (chiếm 6,9%, tăng 17,1%); nho đạt 1,9 triệu USD (chiếm 5,2%, tăng 179,3%);

Trong tháng 10/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II và Công ty TNHH XNK Yuelaimei với giá trị xuất khẩu lần lượt là 7 triệu USD (chiếm 5,8%); 4,3 triệu USD (chiếm 3,6%); 3,6 triệu USD (chiếm 3%). So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn giảm 29,9%, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II tăng 48,2% và Công ty TNHH XNK Yuelaimei tăng 123,3%.

5. CHÈ

Trong 10 tháng đầu năm 2020, chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, xuất khẩu chè sang nhiều thị trường giảm mạnh, đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Tổng 10 tháng đầu năm 2020, xuất chè sang Trung Quốc đạt 6,9 nghìn tấn, tương đương 10 triệu USD, giảm 4% về khối lượng nhưng giảm đến 55% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

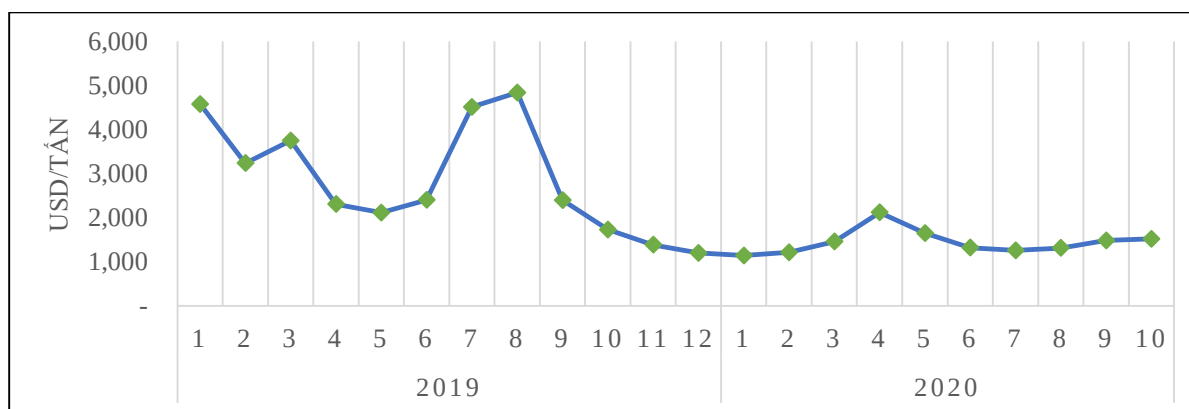
Hình 7: Khối lượng và giá trị xuất khẩu chè sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trung bình xuất khẩu chè sang thị trường này tăng nhẹ trong tháng 10/2020. Cụ thể, giá xuất khẩu chè bình quân sang thị trường này trong tháng 10/2020 chỉ đạt 1.520 USD/tấn, tăng 2% so với tháng 9/2020.

Hình 8: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



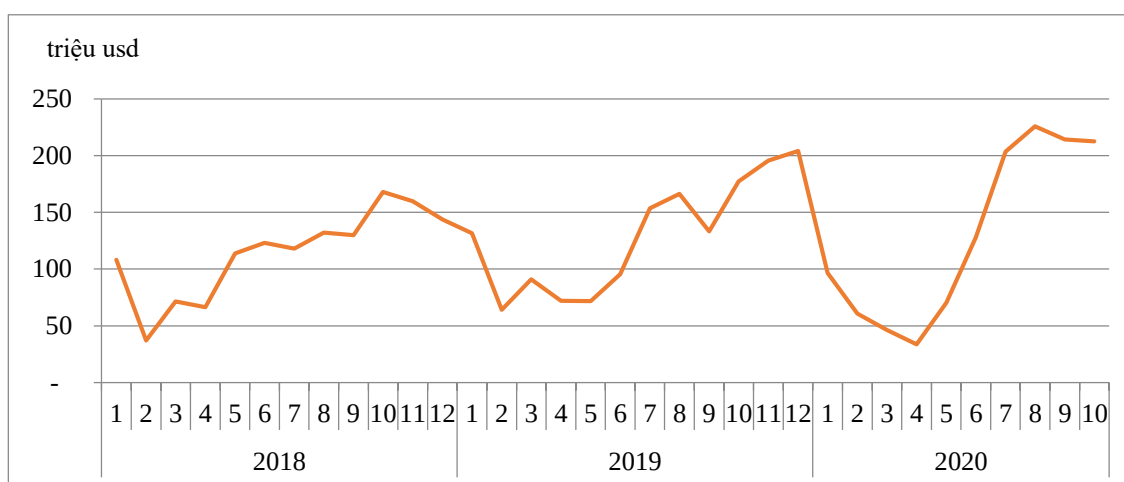
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đại dịch Covid -19 đã ảnh hưởng mạnh đến cả nhập khẩu và xuất khẩu chè của Trung Quốc. Mặc dù từ tháng 4 đến tháng 5, tình hình xuất khẩu của Trung Quốc nói chung đã được cải thiện nhưng xuất khẩu của nước này vẫn kém tăng trưởng. Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu các loại trà từ Sri Lanka và Ấn Độ. Trong thời gian đại dịch, nhập khẩu chè của Trung Quốc từ hai nước này đã giảm đáng kể. Tại Ấn Độ, giá chè trong phiên đấu giá của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor (CTTA) Ấn Độ tăng do nhu cầu tăng trong khi sản lượng chè tại phía Bắc Ấn Độ giảm do sản lượng thấp vì lệnh giãn cách do dịch Covid-19 kéo dài và thời tiết bất lợi. Sản lượng 9 tháng ở Sri Lanka giảm khoảng 15%, xuất khẩu vào cuối quý 3 giảm 10%. Với dấu hiệu phục hồi từ tháng 5/2020, xuất khẩu chè sang Trung Quốc dự kiến sẽ có triển vọng tốt trong những tháng còn lại của năm 2020

5. CAO SU

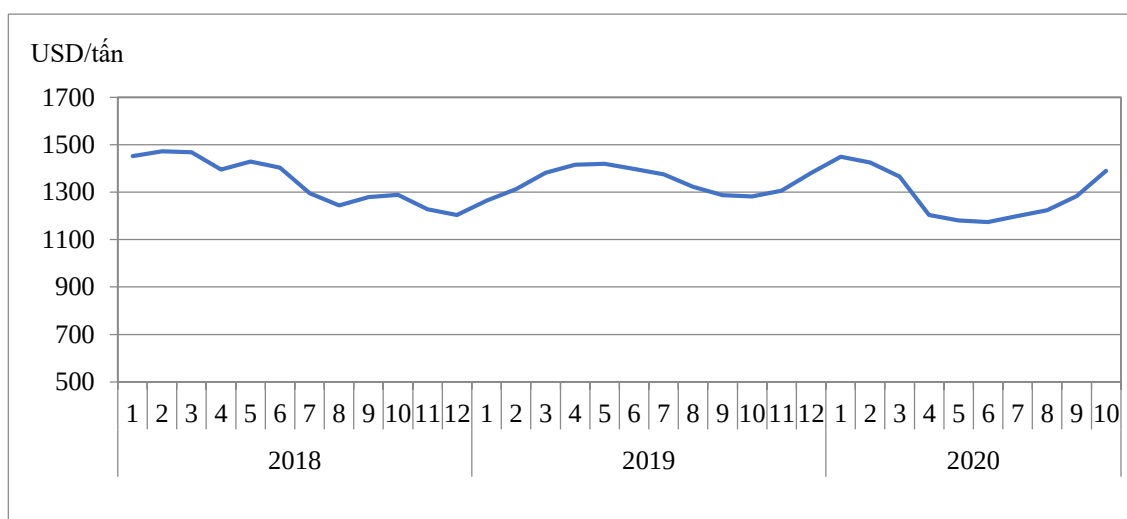
Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới đã tăng trưởng 4,9% trong quý III/2020 so với cùng kỳ năm trước. Doanh số bán ô tô của Trung Quốc đã có 6 tháng tăng liên tiếp, trong đó tháng 9/2020 tăng 12,8%. Nhu cầu cao su ở Trung Quốc tăng lên nhanh chóng sau khi chính quyền các địa phương bắt đầu thúc đẩy việc sử dụng các loại xe nhỏ, khiến các nhà sản xuất lốp xe tăng sản lượng lên gần gấp ba. Ngoài ra, nhu cầu cao su tăng cao trong thời gian qua còn do các công ty sản xuất gắng tay đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ, phục vụ nhu cầu phòng chống dịch Covid-19. Trong khi đó, sản lượng cao su thiên nhiên ở các quốc gia xuất khẩu chính trong năm có thể giảm 5% do tình trạng thiếu lao động vì đại dịch Covid-19 và tình trạng lũ lụt ở Thái Lan và Việt Nam.

Hình 9: Giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Kinh tế phục hồi, thúc đẩy thương mại với các đối tác trong đó có Việt Nam. Riêng đối với mặt hàng cao su, ước tính, trong tháng 10/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 152,84 nghìn tấn, trị giá 212,45 triệu USD, tăng 10,52% về lượng và tăng 19,89% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Nếu so với tháng 9/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc giảm 8,45% về lượng và 0,87% về giá trị. Tuy nhiên, lũy kế 10 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc khoảng 1,01 triệu tấn, trị giá 1,29 tỷ USD, tăng 16,87% về lượng và tăng 11,73% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 10: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu bình quân sang Trung Quốc

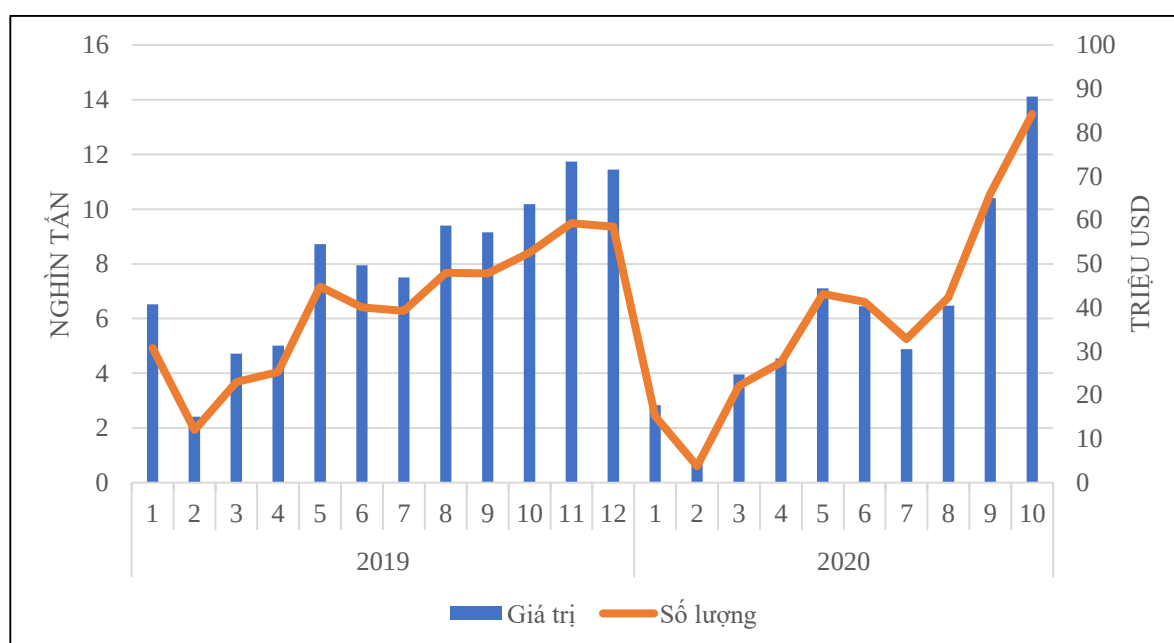
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Sản xuất cao su trên khắp Đông Nam Á – nơi chiếm 2/3 tổng cung cao su thiên nhiên toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi tình trạng thiếu lao động do Covid-19 và lũ lụt tại Thái Lan và Việt Nam. Dữ liệu mới đây đã cho thấy chênh lệch cung cầu đang nới rộng và các nhà kinh doanh cao su lo ngại tình trạng thiếu cung sẽ còn trầm trọng hơn nữa do những bất ổn về chính trị ở Thái Lan, nước sản xuất cao su hàng đầu thế giới. Các nhân tố này đã đẩy giá cao su tăng lên. Ước tính, giá cao su xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 10/2020 bình quân khoảng 1.390 USD/tấn, tăng 8,29% so với tháng 9/2020 và tăng 8,47% so với cùng kì năm 2019.

6. HẠT ĐIỀU

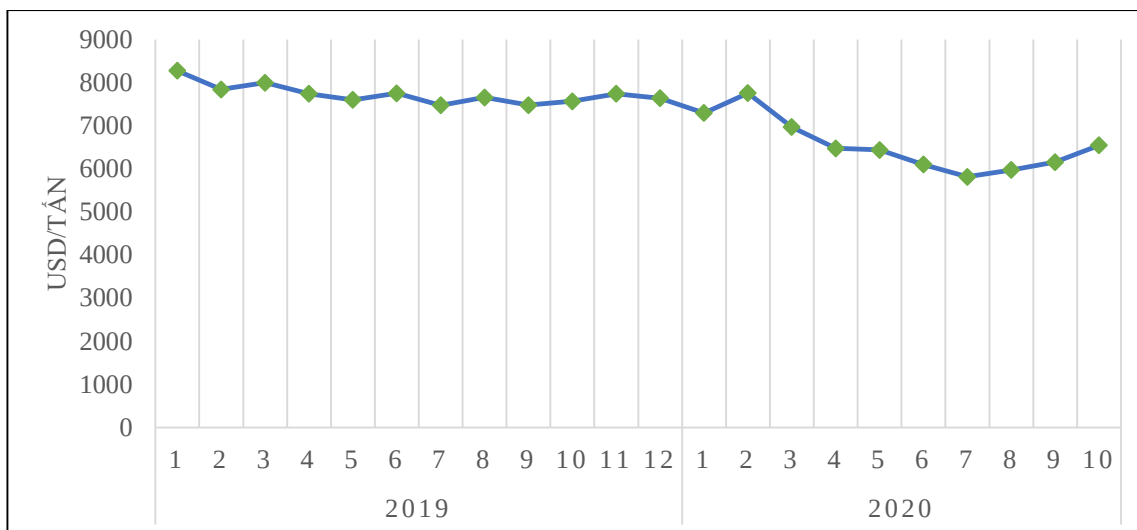
Trong tháng 10 năm 2020 xuất khẩu điều nhân sang thị trường Trung Quốc có những chuyển biến tích cực, đạt 13,479 nghìn tấn với giá trị 88,2 triệu USD, tăng mạnh so với tháng 9 năm 2020, tăng 28% về lượng và 36% về giá trị. Mặc dù vậy tính chung 10 tháng đầu năm 2020, tổng xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường này mặc dù có tăng về lượng, vẫn giảm đáng kể về giá trị so với năm 2019, cụ thể đạt 60,5 nghìn tấn, tương đương 384,3 triệu USD, tăng 4% về lượng nhưng giảm 14% về giá trị.

Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặc dù trong những tháng đầu năm lượng điều nhân nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc sụt giảm mạnh. Nhưng Trung Quốc đã bắt kịp và hiện đã vượt mức nhập khẩu của năm 2019, đã cho thấy mức tăng trưởng mạnh mẽ so với năm trước. Nhu cầu từ thị trường Trung Quốc tương đối tốt, các nhà nhập khẩu Trung Quốc mua điều nhân cả loại chất lượng loại 1 và loại 2. Hiện tại, các nhà máy đang tập trung bán cho thị trường này với giá giao dịch cho mã WW320 dao động từ 6.300 đến 7.800 USD/tấn FOB cho các loại có chất lượng khác nhau.

Hình 12: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường này trong tháng 10/2020 đạt 6.546 USD/tấn, tăng 6% so với tháng 09/2020, nhưng giảm 13% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 10 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang Trung Quốc đạt đã giảm 1.186/tấn (tương đương 15%) so với cùng kỳ năm 2019.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Theo Đài CNBC dẫn thông tin từ Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc, giá thịt heo trong tháng 10 giảm 2,8% so với năm trước, và là lần giảm đầu tiên kể từ hơn 1 năm rưỡi qua. Giá thịt heo tăng gấp đôi vào năm ngoái và tiếp tục đà tăng vào đầu năm nay do cúm lợn châu Phi gây ảnh hưởng ở Trung Quốc. Đà tăng bắt đầu giảm dần trong vài tháng qua. Số lợn nuôi của Trung Quốc tháng 10/2020 đã tăng 26,9% so với cùng tháng năm ngoái, trong đó số lợn nái tăng 31,5%, theo thông tin từ Bộ Nông nghiệp Trung Quốc. Trong tuần thứ 2 của tháng 11/2020, giá thịt lợn bán buôn tại quốc gia này là 46,47 CNY (7,06 USD)/kg, giảm trên 20% so với mức cao điểm hồi tháng 2/2020.

Trung Quốc dự báo dự báo nguồn cung thịt heo nước này sẽ tiếp tục hồi phục từ tình trạng thiếu hụt trong thời gian qua. Tháng trước, Hải quan Trung Quốc cho hay giá thịt heo tăng hơn gấp đôi trong quý 1 đến quý 3 so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, đà tăng giá sau đó đã giảm. Trong kế hoạch 5 năm, chính phủ Trung Quốc ưu tiên đảm bảo an ninh lương thực. Do đó, Trung Quốc sẽ giảm lệ thuộc vào nhập khẩu nông sản từ các nước như Mỹ và Úc, những nước có mối quan hệ căng thẳng với Trung Quốc. Theo dữ liệu của Bộ Nông nghiệp Mỹ, thịt heo nhập khẩu chỉ chiếm khoảng 11% lượng tiêu thụ tại Trung Quốc trong năm nay. Dự báo Mỹ sẽ xuất khẩu thịt heo ổn định trong năm tới, ở mức 3,3 triệu tấn, do nhu cầu tăng tại Mexico và Nhật Bản sẽ bù vào nhu cầu yếu hơn ở Trung Quốc.

Theo AHDB, nhập khẩu thịt bò của Trung Quốc đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng trong năm nay. AHDB dẫn nguồn thông kê của chính phủ Trung Quốc, tính đến tháng 9/2020, Trung Quốc đã nhập khẩu 1,57 triệu tấn thịt bò tươi và đông lạnh, cao hơn gần 40% so với cùng kỳ năm trước. Sự tăng trưởng này là do sự kết hợp hai nguyên nhân gồm: tình trạng thiếu hụt nguồn cung thịt sau khi đàn lợn bị dịch tả lợn châu phi, đồng thời xu hướng gia tăng tiêu thụ thịt bò trong tầng lớp trung lưu ảnh hưởng đến cách mua và tiêu dùng của người tiêu dùng. Brazil là một trong những nhà cung cấp thịt bò lớn nhất cho thị trường Trung Quốc, thị phần của quốc gia này đã tăng từ 22% của năm trước lên chiếm gần 40% lượng thịt bò nhập khẩu của Trung Quốc trong năm nay. Thịt bò Brazil có tính cạnh tranh cao về giá, với giá mỗi tấn thấp hơn Australia và New Zealand tính theo đồng đô la, điều này đã giúp Brazil chiếm được thị phần của một số quốc gia này. Bên cạnh đó, các lô hàng từ Argentina cũng tăng trong năm nay, đạt tổng cộng 335.000 tấn. Tuy nhiên, thị phần của quốc gia này vẫn tương đối ổn định ở mức 23%.

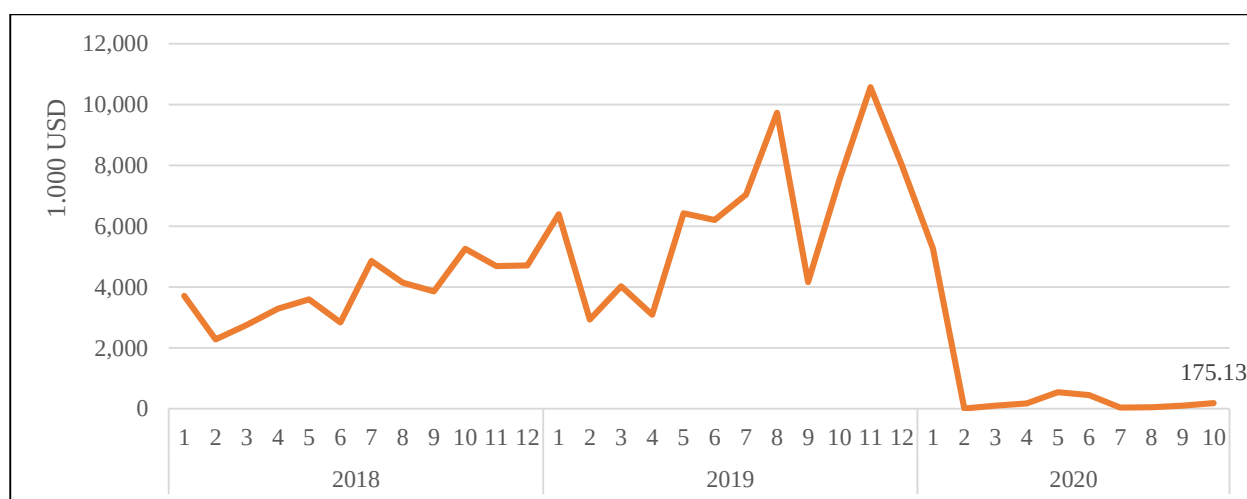
Reuters dẫn nguồn tin từ Ủy ban Y tế thành phố Tế Nam, tỉnh Sơn Đông, miền đông Trung Quốc, hôm 14.11, cho biết, đã phát hiện thấy COVID-19 trên thịt bò, thịt ba chỉ và

trên bao bì các sản phẩm đông lạnh này, được nhập khẩu từ Brazil, New Zealand và Bolivia. Hơn 7.500 người có thể đã tiếp xúc với các sản phẩm có COVID-19 và những người có liên quan khác đã có kết quả xét nghiệm âm tính với virus gây bệnh dịch này. Tuần trước, các nhà chức trách Trung Quốc đã tìm thấy COVID-19 trên bao bì tôm của Saudi Arabia ở thành phố Lan Châu, thịt bò Brazil ở thành phố Vũ Hán và thịt bò Argentina ở các tỉnh Sơn Đông và Giang Tô. Mặc dù Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cho rằng nguy cơ mắc COVID-19 từ thực phẩm đông lạnh là thấp, nhưng Trung Quốc đã lên tiếng báo động sau khi liên tiếp phát hiện virus trên các sản phẩm thực phẩm đông lạnh nhập khẩu, khiến nước này phải ban hành lệnh tạm dừng nhập khẩu.

Tại Việt Nam, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc tháng 10/2020 chỉ đạt 175,13 nghìn USD, chiếm 1,3% tổng giá trị xuất khẩu thịt trong tháng 10 của Việt Nam, tăng 88% so với tháng trước và giảm 97,7% so với cùng kỳ năm 2019 (7,53 triệu USD). Giá trị xuất khẩu sang thị trường này 10 tháng đầu năm 2020 đạt 6,86 triệu USD, giảm 88,1% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 57,48 triệu USD).

Trong tháng 10/2020, các thịt và các sản phẩm từ thịt Việt Nam xuất sang Trung Quốc chỉ nhóm sản phẩm thịt và các phụ phẩm dạng thịt chế biến gồm các sản phẩm như chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô bò, khô gà..., của 2 công ty là công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Hoàng Tiến và công ty TNHH Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Quảng Ninh.

Hình 13: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

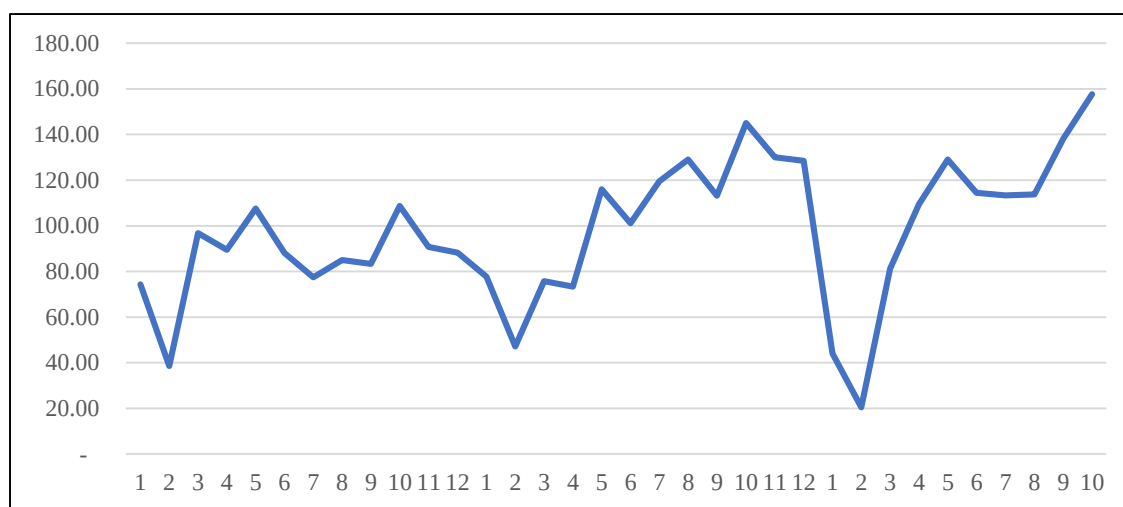
Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt trong tháng 10/2020 của Việt Nam từ Trung Quốc đạt 351,72 nghìn USD, giảm 63,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu đạt 4,89 triệu USD, tăng giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2019.

8. THỦY SẢN

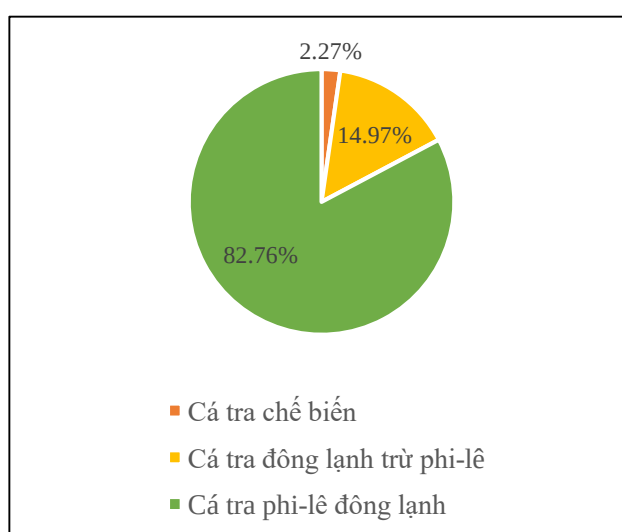
Người tiêu dùng ở Trung Quốc lo ngại rằng hải sản nhập khẩu có thể bị nhiễm virus COVID-19 đã khiến nhập khẩu hải sản của Trung Quốc giảm mạnh. Theo số liệu hải quan Trung Quốc, trong tháng 8, Trung Quốc đã nhập khẩu hải sản trị giá 4,97 tỉ nhân dân tệ (751 triệu USD), giảm 45% so với tháng 8/2019. Trong tháng 9, mức giảm ít hơn nhưng lượng hải sản nhập khẩu trong tháng này thấp hơn 31% so với cùng kỳ năm trước, tương đương trị giá 6,57 tỉ nhân dân tệ. Theo số liệu mới nhất của hải quan nước này, trong tháng 9, nhập khẩu tôm từ Ecuador giảm 68% so với cùng kỳ năm ngoái, xuống còn hơn 9,7 nghìn tấn. Nhập khẩu tôm từ Ấn Độ giảm 71% xuống còn 3,6 nghìn tấn, nhập khẩu tôm từ Việt Nam giảm 74% xuống còn 1,3 nghìn tấn.

Xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo tháng 9/2020 tăng khi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng tới 66% so với tháng 8/2020, đạt 21,6 nghìn tấn, nhưng vẫn giảm 28,9% so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ trọng xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang Trung Quốc tăng lên 40%, so với mức trung bình 33%. Giá tôm xuất khẩu của Ê-cu-a-đo trong tháng 9/2020 trung bình ở mức 5,11 USD/ kg, giảm so với mức 5,13 USD/kg của tháng 8/2020. Giá tôm xuất khẩu giảm khiến trị giá xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo giảm 2,99% so với cùng kỳ năm 2019, xuống còn 276 triệu USD trong tháng 9/2020. Tổng trị giá xuất khẩu tôm Ê-cu-a-đo trong 9 tháng đầu năm 2020 là 2,69 tỷ USD, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2019. Lượng xuất khẩu tôm đạt 499 nghìn tấn, tăng 5,8% trong cùng kỳ so sánh

Theo Tổng cục Hải quan, 10 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc đạt 1,02 tỷ USD tăng 2,34% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 14,70% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Tính riêng tháng 10/2020, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 157,61 triệu USD, tăng 14,04% với tháng 8/2020 và tăng 8,65% so với cùng kỳ năm 2019. Cá tra và tôm vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính: tôm chiếm 30,18%; cá tra chiếm 43%.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 10 năm 2020 đạt 47,56 triệu USD, giảm 3,73% so với cùng kỳ năm 2019 đưa giá trị xuất khẩu tôm 10 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 388,68 triệu USD, tăng 6,71%. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu tôm sú và tôm thẻ chân trắng sang thị trường vẫn có xu hướng giảm trong tháng này. Cụ thể, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 23,89 triệu USD, chiếm 50,23% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, giảm 8,90% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 10,15 triệu USD, chiếm 21,35%, giảm 43,41%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 13,52 triệu USD, chiếm 28,42%, tăng 2,58 lần so với năm 2019.

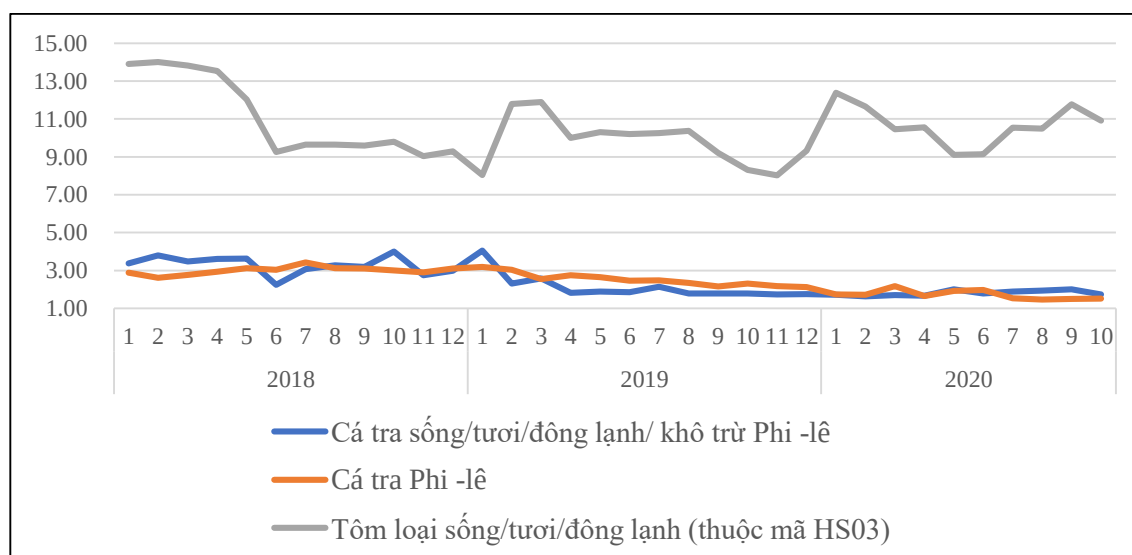
Hình 15: Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc T10/2020*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 10 năm 2020 đạt 67,77 triệu USD, tăng 1,63% so với cùng kỳ năm 2019, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra sang thị trường này 10 tháng/2020 đạt 381,85 triệu USD, giảm 19,34% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 10/2020, giá trị xuất khẩu cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê sang thị trường Trung Quốc đạt 10,14 triệu USD, tăng 36,23% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra chế biến đạt 1,54 triệu USD, 2,66 lần; Cá tra phi-lê đạt 56,09 triệu USD, giảm 4,39%.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc như sau: Mực và bạch tuộc đạt 5,43 triệu USD, tăng 2,20 lần so với cùng kỳ năm 2019; Cua-ghe đạt 4,69 triệu USD, tăng 5,23 lần; Các loại thủy sản khác đạt gần 32 triệu USD, tăng 26,34%

Giá cá tra phi lê tháng 9/2020 đạt trung bình 1,73USD/kg giảm 3,10% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt trung bình 1,52 USD/kg; giảm 34,30%; Tôm các loại thuộc mã HS 03 đạt trung bình 10,91 USD/kg, tăng 31,29%.

Hình 16: Giá xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

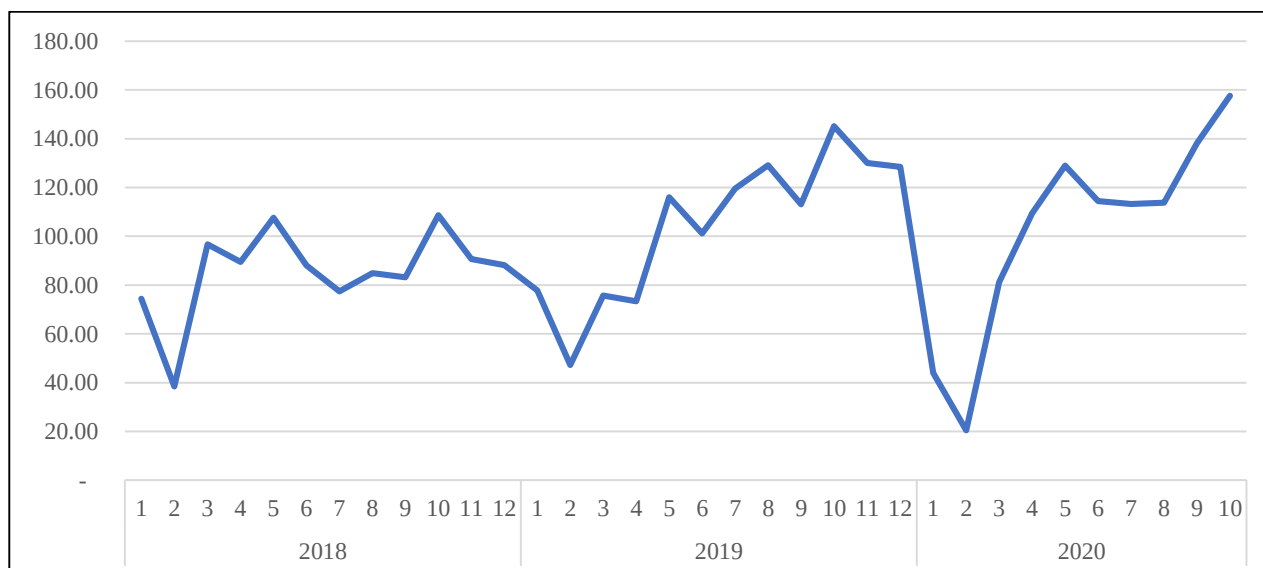
Tháng 10 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đạt 8,05 triệu USD, chiếm 5,09% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công cổ phần và đầu tư thương mại phát triển I.D.I đạt 6,67 triệu USD chiếm 4,22%; Công ty cổ phần thủy sản Trường Giang đạt 6,36 triệu USD chiếm 4,02%.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Trung Quốc là thị trường quan trọng trong xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (gỗ & SP gỗ) của Việt Nam (là thị trường đứng thứ 3 và chiếm 10,5% trong tổng giá trị xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020).

Xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 10 năm 2020 đạt 78,8 triệu USD, giảm 12,4% so với tháng 9. Cộng dồn 10 tháng đầu năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường này đạt hơn 996,6 triệu USD, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc

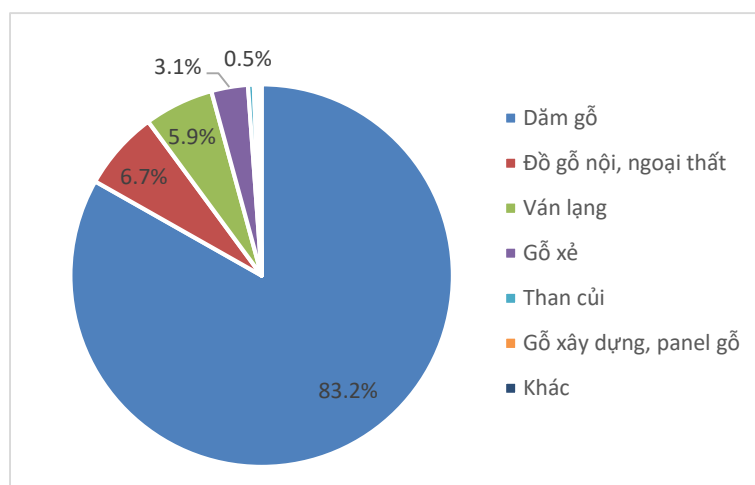


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số sản phẩm chứng kiến sự tăng về giá trị xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 như: Dăm gỗ (tăng hơn 43,3 triệu USD, tương đương 5,6%); Ván lạng (tăng 23,8 triệu USD, tương đương 69,8%); Còn lại, đa phần các mặt hàng khác đều chứng kiến xu hướng giảm về giá trị xuất khẩu như: đồ gỗ nội, ngoại thất giảm 28,7% (tương đương giảm 26,6 triệu USD), gỗ dán giảm 90,7% (tương đương giảm 8,8 triệu USD), than củi giảm 45% (tương đương giảm 3,95 triệu USD), gỗ xẻ giảm 5,9% (tương đương giảm 1,9 triệu USD), ngoài ra các mặt hàng khác dù chiếm tỷ lệ nhỏ trong kim ngạch xuất khẩu nhưng cũng giảm mạnh như: gỗ khung tranh, ảnh (giảm 95,8%), phụ kiện gỗ trong xây dựng (giảm 90,9%), ván sợi (giảm 84,8%).

Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu gỗ và SP Gỗ sang Trung Quốc 10 tháng 2020

Về cơ cấu xuất khẩu: xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc trong 10 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là dăm gỗ chiếm 83,2% tổng kim ngạch xuất khẩu, tiếp đến là đồ gỗ nội, ngoại thất (chiếm gần 6,7% tổng kim ngạch), ván lạng (chiếm 5,9% kim ngạch) và gỗ xẻ (chiếm 3,1% kim ngạch, còn lại là các mặt hàng khác.



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Hiện nay Trung Quốc đang có xu hướng tích trữ gạo nếp để chuẩn bị cho dịp Lễ tết cuối năm 2020 cũng như đầu năm 2021, cũng như nhằm tranh thủ mức giá gạo nếp đang cao trên thị trường nội địa để bán ra với lợi nhuận cao hơn. Do đó, dự báo trong vài tháng tới nhu cầu nhập khẩu gạo nếp của thị trường này sẽ có thể tiếp tục tăng lên.

2. Sắn và sản phẩm từ sắn

Xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn của Việt Nam trong tháng 10 năm 2020 tăng cao so với tháng trước do nhu cầu thu mua của Trung Quốc sôi động hơn. Nguồn cung khan hiếm do lũ lụt tại Việt Nam và Campuchia kết hợp với yếu tố cầu tăng cao đã tạo đà cho giá các mặt hàng sắn tiếp tục tăng. Hiện Việt Nam đang bước vào vụ thu hoạch sắn tuy nhiên do thiên tai gây mưa lớn kéo dài trên diện rộng sẽ ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sắn niên vụ 2020-2021, gây áp lực lên nguồn cung trong thời gian tới. Dự báo từ nay đến cuối năm, xuất khẩu sắn sang Trung Quốc vẫn sôi động và giá xuất khẩu các mặt hàng sắn đầu vụ sẽ được thiết lập ở mức cao do nguồn cung khan hiếm và nhu cầu tăng cao từ quốc gia này.

3. Rau quả

Theo ông Đặng Phúc Nguyên - Tổng thư ký Hiệp hội Rau quả Việt Nam: “Truy xuất nguồn gốc sản phẩm rau quả đang dần trở thành xu thế, yêu cầu bắt buộc, cho phép người tiêu thụ có đầy đủ thông tin ngược dòng từ sản phẩm cuối cùng về nơi sản xuất ban đầu, có thể rà soát từng công đoạn chế biến, đóng gói, vận chuyển và phân phối tới tay người tiêu thụ. Truy xuất nguồn gốc hiện nay chỉ thực hiện được khi có mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hay chứng nhận VietGAP, GlobalGAP.

Việc cấp mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói còn chậm và quá ít so với diện tích trồng trọt, còn chứng nhận sản xuất VietGAP hay GlobalGAP chỉ khoảng 7,5% tổng diện tích rau quả cả nước dẫn tới việc thực hiện truy xuất nguồn gốc chưa nhiều và rộng khắp các mặt hàng. Trung Quốc đã buộc các hàng rau quả Thái Lan khi xuất khẩu cho họ phải sử dụng truy xuất nguồn gốc bằng mã QR code từ năm 2019. Có thể họ sẽ yêu cầu áp dụng với rau quả Việt Nam trong một hai năm tới. Nếu Việt Nam không chuẩn bị từ bây giờ, chắc chắn sẽ gặp khó khăn khi xuất khẩu rau quả sang thị trường này.

4. Điều

Dự báo xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang Trung Quốc trong 3 tháng cuối năm 2020 sẽ tiếp tục tăng để phục vụ nhu cầu các dịp lễ tết. Giá điều nhân dự kiến cũng sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới do nguồn cung điều nhân ở Việt Nam không còn nhiều, các nhà chế biến cũng rất thận trọng trong việc nhập điều thô, vì giá điều thô hiện tại không cân đối được với giá điều nhân.

5. Cao su

Hiệp hội Các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC) trong báo cáo mới nhất vừa công bố giữa tháng 10 dự báo xu hướng giá cao su tăng sẽ còn tiếp diễn trong các tháng tới, chủ yếu do lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc tiếp tục hồi phục, giữa bối cảnh doanh số bán ô tô ở Ấn Độ cũng tăng và Mỹ sẽ tung thêm chương trình kích thích kinh tế mới. Tháng 9 vừa qua đánh dấu tháng đầu tiên ngành ô tô hồi phục gần như trên khắp toàn cầu, sau giai đoạn dài sa sút do dịch bệnh.

Ngành ô tô Trung Quốc hồi phục sớm nhất, ngay từ mùa Hè, và hiện đã có 3 tháng liên tiếp doanh số bán xe mới tăng trưởng. Tiêu thụ xe chở khách của Trung Quốc tháng 9/2020 tăng 7,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 1,91 triệu chiếc. Đặc biệt, tiêu thụ ô tô khách của Ấn Độ trong tháng 9/2020 tăng mạnh 31,2% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng nhiều nhất trong vòng 27 tháng. Tiêu thụ xe hơi ở các thị trường Mỹ, châu Âu... cũng bắt đầu hồi phục sau giai đoạn giảm mạnh vì chính sách phong tỏa chống Covid-19.

6. Thủy sản

Trung Quốc đang siết chặt kiểm tra sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào quốc gia này. Cụ thể, thành phố Thượng Hải yêu cầu tất cả thực phẩm đông lạnh nhập khẩu có nguy cơ cao được lưu trữ, chế biến và bán tại Thành phố Thượng Hải phải vào kho quá cảnh để xét nghiệm COVID-19 và khử trùng bao bì, áp dụng từ 0h00 ngày 16/11, việc giao hàng sẽ được thực hiện trực tuyến. Chính vì vậy các doanh nghiệp xuất khẩu cần phối hợp chặt chẽ với nhà nhập khẩu để nắm bắt thông tin kịp thời xuất hàng đến các cảng không bị kẹt, đồng thời thương lượng để điều chỉnh lịch xuất hàng hợp lý.

7. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Về tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tương đương cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, Việt Nam xuất khẩu gỗ & SP gỗ sang thị trường Trung Quốc chủ yếu là gỗ nguyên liệu (dăm gỗ, ván lạng, gỗ xẻ...) và nhóm hàng này có xu hướng tăng so với năm trước, trong khi các mặt hàng thành phẩm có giá trị gia tăng cao như: đồ gỗ nội, ngoại thất, khung tranh, ảnh chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu xuất khẩu và có xu hướng sụt giảm mạnh về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2019 cho thấy sức

cạnh tranh của nhóm hàng đồ gỗ thành phẩm của Việt Nam tại thị trường này còn thấp và các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam cần quan tâm hơn đến thị trường này.

Cuối tháng 9 Trung Quốc đã đưa vào sử dụng Cảng quốc tế đường bộ Quảng Châu, đây là cảng đón các chuyến tàu trở gỗ nguyên liệu từ châu Phi về, kênh vận chuyển mới này được kỳ vọng sẽ làm giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm gỗ của Trung Quốc, điều này phần nào sẽ ảnh hưởng đến ngành gỗ của Việt Nam khi Trung Quốc vẫn là đối thủ cạnh tranh chính trên thị trường quốc tế về đồ gỗ nội ngoại thất.

Dự báo trong những tháng cuối năm xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng khi kinh tế Trung Quốc phục hồi (thu nhập khả dụng bình quân đầu 9 tháng năm 2020 người tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2019) và thị trường nhà ở, bất động sản phát triển trở lại sau khi bị tác động của dịch bệnh COVID-19, ngoài ra tình hình xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Trung Quốc đã tăng trưởng trở lại đẩy nhu cầu về dăm gỗ và gỗ nguyên liệu tăng lên.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 10 /2020

STT	Sản phẩm	Tháng 10/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T9/2020	Tăng /giảm so T10/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	8,896,200	14.54%	-13.20%	1.08%
2	Cao su	212,449,191	-0.87%	19.89%	25.88%
3	Chè	1,403,030	23.67%	-28.44%	0.17%
4	Gạo	41,276,327	93.37%	115.71%	5.03%
5	Gỗ và SP Gỗ	78,753,796	-12.45%	-39.49%	9.59%
6	Rau quả	119,217,689	-1.49%	-32.09%	14.52%
7	Hàng thủy sản	157,611,119	14.04%	8.65%	19.20%
8	Hạt điều	88,244,358	35.73%	38.52%	10.75%
9	Mây tre đan	1,063,896	22.57%	16.70%	0.13%
10	SP từ cao su	9,443,074	11.47%	19.88%	1.15%
11	Sắn &SP sắn	81,002,021	21.08%	24.36%	9.87%
12	TĂGS &NL	21,265,668	25.80%	40.62%	2.59%
13	Thịt &SP Thịt	175,133	88.01%	-97.67%	0.02%
Tổng XK NLTS		820,801,502	9.15%	0.14%	100.00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 10/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 10/2019		Tháng 10/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo nếp	13.291	7.884.933	74.907	38.018.254	463,6%	382,2%
2.	Các loại gạo khác	26.447	11.250.607	6.115	3.258.073	-76,9%	-71,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 10/2020

TT	Sản phẩm	T10/2019 (USD)	T10/2020 (USD)	So sánh T10.2020/T10.2019
	Tổng giá trị XK	175,564,373	119,217,689	-32.1%
1	Thanh long	103,339,343	61,059,675	-40.9%
2	Xoài	20,095,931	12,965,505	-35.5%
3	Mít	6,557,847	8,452,402	28.9%
4	Chuối	11,955,265	7,055,222	-41.0%
5	Nhãn	6,452,522	2,150,837	-66.7%
6	Chôm chôm	1,332,469	267,365	-79.9%
7	Mãng cụt	8,135	32,100	294.6%
8	Dưa hấu	62,135	2,079	-96.7%
9	Vải	9,490	1,715	-81.9%
10	Khác	25,751,236	27,230,789	5.7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Trung Quốc tháng 10/2020

TT	Sản phẩm	T10/2019 (USD)	T10/2020 (USD)	So sánh T10.2020/T10.2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	7.528.483,7	175.133,3	-97,7%
1	Thịt và các phụ phẩm dạng thịt chế biến (chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô bò, khô gà, ...)	2.650.806,3	175.133,3	-93,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 10 năm 2020

Loại sản phẩm	Tháng 10/2019 (USD)	Tháng 10/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Cá ngừ	145.069.597,00	157.611.119,00	8,65%
Cá tra	293.361,28	164.608,90	-43,89%
Cua - ghẹ	66.682.869,74	67.768.143,61	1,63%
Mực và bạch tuộc	897.774,20	4.692.292,00	422,66%
Tôm sú	2.464.479,62	5.425.882,10	120,16%
Tôm thẻ chân trắng	17.942.149,49	10.154.080,83	-43,41%
Tôm loại khác	26.227.707,94	23.892.240,74	-8,90%
Thủy sản khác	5.234.989,72	13.515.641,85	158,18%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cao su sang thị trường Trung Quốc tháng 10 năm 2020

TT	Sản phẩm	Tháng 10/2019		Tháng 10/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Tổng xuất khẩu		185.085.796		221.892.265		19,89
	Cao su	138.285	177.208.542	152.838	212.449.191	10,52	19,89
	Sản phẩm cao su		7.877.254		9.443.074		19,88

Nguồn: Tổng cục Hải quan